

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **540**/BNV-CCVC

V/v gửi hồ sơ đề nghị thẩm định
Nghị định sửa đổi, bổ sung một
số quy định của Chính phủ về
cán bộ, công chức, viên chức

Hà Nội, ngày **17** tháng 2 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại văn bản số 9070/VPCP-TCCV ngày 11/12/2021 và văn bản số 9311/VPCP-TCCV ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức, viên chức theo thủ tục rút gọn¹.

Căn cứ vào quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ trân trọng gửi tới Bộ Tư pháp Hồ sơ dự thảo Nghị định nêu trên để thẩm định.

Rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà (để bc);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Hải Long

¹Văn bản số 9311/VPCP-TCCV ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý với đề xuất xây dựng Nghị định theo thủ tục rút gọn.



Dự thảo 01.5

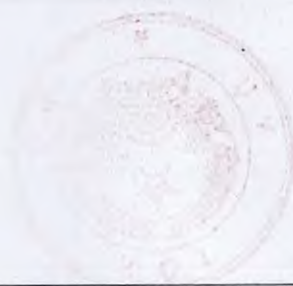


PHỤ LỤC

Bảng thuyết minh Nghị định sửa đổi các quy định về cán bộ, công chức, viên chức

(kèm theo Công văn số 540 /BNV-CCVC ngày 17 tháng 02 năm 2022)

Quy định hiện hành	Dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức		
Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức	1. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 2 như sau:	
Chưa quy định	5. Cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá thì xếp loại chất lượng ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên, bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm, nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính được ban hành trong 02 năm khác nhau thì hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật chỉ tính làm căn cứ xếp loại chất lượng ở 01 năm đánh giá.”.	<ul style="list-style-type: none">- Bổ sung làm rõ nguyên tắc đã bị xử lý kỷ luật thì đương nhiên không hoàn thành nhiệm vụ, kể cả trường hợp bị xử lý kỷ luật về hành vi không liên quan đến hoạt động công vụ.- Giải quyết vướng mắc ở một số bộ, ngành, địa phương, theo đó hiệu lực của Quyết định xử lý kỷ luật đảng, đoàn thể và chính quyền có thể trong 2 năm khác nhau thì cũng chỉ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ ở 1 năm đánh giá về cùng một hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật.- Phù hợp với quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Quy định số

		132-QĐ/TW ¹ .
Điều 23. Tổ chức thực hiện	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:	
1. Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức, viên chức ban hành hoặc giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.	“1. Căn cứ quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức, viên chức về công tác đánh giá, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức, viên chức ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.	Sửa đổi bảo đảm phù hợp với thẩm quyền quy định trong Luật
	Nội dung Quy chế phải xác định rõ sản phẩm cụ thể gắn với từng vị trí việc làm, tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả, thời điểm đánh giá theo quý, tháng hoặc tuần (nếu có); căn cứ để xác định tỉ lệ % mức độ hoàn thành công việc; các tiêu chí thành phần để đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có tính đến tỷ lệ khối lượng công việc của cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện so với khối lượng công việc chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm phù hợp với các quy định tại Nghị định này.	Giữ nguyên
		
	Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu thực	

¹ Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

	hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu và không trái với nguyên tắc đánh giá, xếp loại cán bộ của cấp có thẩm quyền.”.	
Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức		
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:	
a) Cán bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách (sau đây gọi chung là cán bộ);	“a) Cán bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước; Đại biểu Hội đồng Nhân dân hoạt động chuyên trách; Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách (sau đây gọi chung là cán bộ);”.	Tiếp thu ý kiến; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương quy định Chủ tịch HĐND có thể hoạt động kiêm nhiệm
Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung khoản 9, khoản 10 vào sau khoản 8 Điều 2 như sau:	
6. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng.	“6. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng. Trường hợp quy định về các hình thức xử lý kỷ luật hành chính không tương xứng với hình thức kỷ luật đảng thì áp dụng hình thức kỷ luật hành chính phù hợp với hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp bị xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức cao nhất thì xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức cao nhất.	Bổ sung quy định để đảm bảo thực hiện thống nhất, chặt chẽ trong trường hợp cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật đảng ở mức cao nhất thì kỷ luật hành chính cũng ở mức cao nhất.
Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ	Bổ sung “trừ trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật quy định

<p>chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính.</p>	<p>chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính, trừ trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật quy định tại Điều 3 Nghị định này.</p>	<p>tại Điều 3 Nghị định này” để bảo đảm logic. Thực tế có phát sinh vướng mắc khi đã có quyết định xử lý kỷ luật đảng nhưng trong thời gian chưa có quyết định xử lý kỷ luật hành chính lại thuộc một trong các trường hợp chưa xử lý kỷ luật chính quyền.</p>
	<p>9. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ mà khi chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật và áp dụng hình thức</p>	<p>- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 24 và khoản 4 Điều 31; đưa lên nguyên tắc để tránh trùng lặp và bao quát cả đối với đối tượng là cán bộ.</p> <p>- Sửa quy định về thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với trường hợp</p>
	<p>kỷ luật theo quy định pháp luật tương ứng với vị trí cán bộ, công chức, viên chức hiện đang đảm nhiệm. Đối với trường hợp này, cơ quan cũ nơi cán bộ, công chức, viên chức từng công tác có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm và cử người phối hợp trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật; cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định thành phần Hội đồng kỷ luật.</p>	<p>cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm ở cơ quan cũ khi sang cơ quan mới mới phát hiện ra thì cơ quan mới (cấp có thẩm quyền quản lý) ra quyết định xử lý kỷ luật.</p> <p>- Giải quyết vướng mắc trên thực tế, theo đó quy định về thẩm quyền xử lý kỷ luật phải tương xứng với thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>- Bổ sung quy định về cơ chế phối hợp giữa cơ quan cũ và cơ quan mới trong quy trình xem xét xử lý kỷ luật.</p>

	10. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh ruột, chị ruột, em ruột, bác ruột, chú ruột, cô ruột, dì ruột, cậu ruột; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh chồng, chị chồng, em chồng hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật hoặc là người chủ trì cuộc họp kiểm điểm.”.	- Đưa quy định tại khoản 4 Điều 28 và khoản 4 Điều 35 lên quy định về nguyên tắc không cử người có liên quan là thành viên Hội đồng kỷ luật hoặc chủ trì cuộc họp xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm. - Sửa kỹ thuật bảo đảm bao quát, chặt chẽ.
Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:	
3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.	3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp người có hành vi vi phạm có văn bản yêu cầu được xem xét xử lý kỷ luật.”.	- Bổ sung “trừ trường hợp theo yêu cầu của người bị xử lý kỷ luật” là cần thiết, bởi vì trong nhiều trường hợp đối với người sinh con thứ 3 muốn thực hiện việc xử lý kỷ luật ngay vì liên quan đến thời hạn 12 tháng sau khi có quyết định xử lý kỷ luật.
	4. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:	
Điều 20. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ	“Điều 20. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ	
Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ được quy định như sau:	Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ được quy định như sau:	
1. Cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử thì có thẩm	1. Cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử thì có thẩm quyền	Giữ quy định đối với PCT, CT HĐND cấp tỉnh do UBND xử

quyền xử lý kỷ luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;	xử lý kỷ luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;	lý kỷ luật.
2. Đối với các chức vụ, chức danh trong cơ quan hành chính nhà nước do Quốc hội phê chuẩn thì Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xử lý kỷ luật.	2. Đối với các chức vụ, chức danh trong cơ quan hành chính nhà nước do Quốc hội phê chuẩn thì Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xử lý kỷ luật;	Giữ như hiện hành
	3. Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định xử lý kỷ luật; đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Trưởng ban, Phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xử lý kỷ luật.”.	- Thực tế địa phương phản ánh đối với Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, trưởng các ban của HĐND cấp huyện nên để Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định xử lý kỷ luật là hợp lý vì đều thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ tỉnh ủy; QĐ xử lý kỷ luật là quyết định hành chính, vì vậy nên để người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên ban hành là hợp lý. Hơn nữa trưởng các ban thuộc HĐND cấp huyện, cấp tỉnh lại do Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn, công nhận kết quả bầu cử nên nhiều trường hợp không đáp ứng kịp thời yêu cầu về thời gian xử lý kỷ luật. Do đó cần thiết bổ sung quy định này. Tổng hợp ý kiến các địa phương thống nhất với nội dung này.
Điều 24. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức	5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:	

2. Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp quản lý công chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.	“2. Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp quản lý công chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định này.	Bổ sung “trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 28” để bảo đảm thống nhất về thẩm quyền (Khoản 5 Điều 28 quy định đối với trường hợp lãnh đạo cơ quan quản lý là người có liên quan thì chuyển thẩm quyền xử lý kỷ luật lên lãnh đạo cơ quan cấp trên).
Đối với công chức cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.	Đối với công chức cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.”.	Giữ nguyên
	6. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:	
Điều 25. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức	“Điều 25. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức	
Việc xử lý kỷ luật đối với công chức được thực hiện theo các bước sau đây:	1. Việc xử lý kỷ luật đối với công chức được thực hiện theo các bước sau đây:	Giữ nguyên, chỉnh lý kỹ thuật để rõ các trường hợp không phải tổ chức họp kiểm điểm.
1. Tổ chức họp kiểm điểm;	a) Tổ chức họp kiểm điểm;	
2. Thành lập Hội đồng kỷ luật;	b) Thành lập Hội đồng kỷ luật;	
3. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.	c) Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.	
Trường hợp xử lý kỷ luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì không thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.	2. Không thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với trường hợp xử lý kỷ luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 và khoản 9 Điều 2 Nghị định này.	Cải cách thủ tục hành chính, bổ sung đã có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật” thì không phải tổ chức cuộc họp kiểm điểm, bởi vì thành phần tham dự cuộc họp cơ bản trùng với thành phần tham dự cuộc họp

		kiểm điểm/Hội đồng xử lý kỷ luật đảng;
Trường hợp công chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	3. Không thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trong trường hợp xử lý kỷ luật đối với công chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng hoặc đã có quyết định xử lý kỷ luật đảng của cấp có thẩm quyền.”.	Cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý đối với trường hợp đã có quyết định xử lý kỷ luật đảng (đối với trường hợp hết thời hiệu xử lý kỷ luật hành chính thì vẫn phải tiến hành kiểm điểm theo quy định tại điểm a).
Điều 26. Tổ chức họp kiểm điểm công chức	7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 26 như sau:	
1. Trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm a) Trường hợp người bị kiểm điểm là công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Thành phần tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.	“a) Trường hợp người bị kiểm điểm là công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức chủ trì cuộc họp kiểm điểm. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan sử dụng công chức chủ trì cuộc họp.”.	Bổ sung quy định “Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức là người có liên quan thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan sử dụng công chức chủ trì cuộc họp” để giải quyết vướng mắc phát sinh trên thực tế.
Điều 28. Thành phần Hội đồng kỷ luật công chức	8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 28 như sau:	
4. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật là	“4. Trường hợp đại diện cấp ủy hoặc đại diện Ban chấp hành công đoàn thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì cử 01 đại diện cấp trên trực tiếp của cấp ủy hoặc 01 công chức của cơ quan trực tiếp sử dụng công chức có	Khoản 4 cũ đã đưa lên điều nguyên tắc chung; sửa đổi khoản 4 mới để giải quyết trường hợp đại diện cấp ủy hoặc đại diện Ban chấp hành công đoàn là người có liên quan

thành viên Hội đồng kỷ luật.	hành vi vi phạm thay thế.	
5. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức là Chủ tịch Hội đồng.	5. Trường hợp người đứng đầu, tất cả cấp phó của người đứng đầu hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì cử 01 công chức của cơ quan trực tiếp sử dụng công chức có hành vi vi phạm thay thế.	Đưa khoản 6 cũ lên khoản 5; sửa kỹ thuật
6. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì cử 01 công chức của cơ quan trực tiếp sử dụng công chức có hành vi vi phạm thay thế.	6. Trường hợp người đứng đầu, tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan đó làm chủ tịch Hội đồng và quyết định việc xử lý kỷ luật đối với công chức.”.	Đưa khoản 5 cũ xuống khoản 6; sửa kỹ thuật
Điều 31. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với viên chức	9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31 như sau:	
2. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.	2. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định này.”.	Bổ sung “trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35” để bảo đảm thống nhất về thẩm quyền (Khoản 5 Điều 35 bổ sung đối với trường hợp lãnh đạo cơ quan quản lý là người có liên quan thì chuyển thẩm quyền xử lý kỷ luật lên lãnh đạo cơ quan cấp trên.
Điều 32. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:	



đối với viên chức		
Việc xử lý kỷ luật đối với viên chức được thực hiện theo các bước sau đây:	1. Việc xử lý kỷ luật đối với viên chức được thực hiện theo các bước sau đây:	Giữ nguyên, chỉnh lý kỹ thuật để rõ các trường hợp không phải tổ chức họp kiểm điểm.
1. Tổ chức họp kiểm điểm;	a) Tổ chức họp kiểm điểm;	
2. Thành lập Hội đồng kỷ luật;	b) Thành lập Hội đồng kỷ luật;	
3. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.	c) Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.	
Đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này thì không thực hiện khoản 1 Điều này.	2. Không thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với trường hợp xử lý kỷ luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 3 và khoản 9 Điều 2 Nghị định này.	Cải cách thủ tục hành chính, bổ sung đã có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật” thì không phải tổ chức cuộc họp kiểm điểm, bởi vì thành phần tham dự cuộc họp cơ bản trùng với thành phần tham dự cuộc họp kiểm điểm/Hội đồng xử lý kỷ luật đảng, đoàn thể;
Trường hợp viên chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	3. Không thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trong trường hợp xử lý kỷ luật đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng hoặc đã có quyết định xử lý kỷ luật đảng của cấp có thẩm quyền.”.	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo nguyên tắc mức xử phạt hành chính phải tương xứng với mức kỷ luật đảng.
Điều 33. Tổ chức họp kiểm điểm viên chức	11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 33 như sau:	
1. Trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm	“a) Đối với viên chức quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền	Bổ sung quy định cho phép người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền

<p>điểm</p> <p>a) Đối với viên chức quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm chịu trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp.</p>	<p>bổ nhiệm chịu trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng viên chức tổ chức họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp.”.</p>	<p>bổ nhiệm ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan trực tiếp sử dụng viên chức để thống nhất với điểm b khoản 1 Điều 26 phù hợp thực tế.</p>
<p>Điều 35. Thành phần Hội đồng kỷ luật viên chức</p>	<p>12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 như sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung với lý do tương tự như khoản 4, 5, 6 Điều 28</p>
<p>4. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật.</p>	<p>“4. Trường hợp đại diện cấp ủy, Ban chấp hành công đoàn thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì cử 01 đại diện cấp ủy cấp trên trực tiếp hoặc 01 viên chức của đơn vị đó thay thế.</p>	
<p>5. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 hoặc điểm a khoản 3 Điều này là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó là Chủ tịch Hội đồng.</p>	<p>5. Trường hợp người đứng đầu, tất cả cấp phó của người đứng đầu đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì cử 01 viên chức của đơn vị đó thay thế.</p>	
<p>6. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì cử 01 viên chức tại cơ</p>	<p>6. Trường hợp người đứng đầu, tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 2 Nghị định này thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ</p>	

<p>quan trực tiếp sử dụng viên chức có hành vi vi phạm làm ủy viên.</p>	<p>chức, đơn vị đó là Chủ tịch Hội đồng và quyết định hình thức kỷ luật.”.</p>	
<p>Điều 24. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức</p> <p>4. Trường hợp công chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ mà khi chuyển sang cơ quan mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cơ quan cũ nơi công chức đã công tác tiến hành xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định xử lý kỷ luật phải được gửi về cơ quan nơi công chức đang công tác.</p> <p>Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật đã giải thể, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập thì những người có trách nhiệm liên quan phải bàn giao hồ sơ để cơ quan nơi công chức đang công tác thực hiện việc xử lý kỷ luật.</p> <p>Hồ sơ, quyết định kỷ luật công chức phải được gửi về cơ quan quản lý công chức.</p>	<p>13. Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 24 và khoản 4 Điều 31 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.</p>	<p>Nội dung đưa lên khoản 6 Điều 2 Nguyên tắc xử lý kỷ luật</p>
<p>Điều 31. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với viên chức</p> <p>4. Trường hợp viên chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ mà khi chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mới phát hiện hành vi vi phạm luật và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì thẩm quyền tiến hành và xử lý kỷ luật thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ nơi viên chức công tác. Hồ sơ,</p>		

<p>quyết định kỷ luật phải được gửi về cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý viên chức.</p> <p>Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập trước đây đã giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì những người có trách nhiệm liên quan phải bàn giao hồ sơ để đơn vị sự nghiệp công lập đang quản lý viên chức thực hiện việc xử lý kỷ luật.</p>		
<p>Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức</p>		
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p>	<p>1. Bổ sung khoản 5, khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 2 như sau:</p>	
<p>Chưa quy định</p>	<p>“5. “Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập” là người đứng đầu bộ máy điều hành và đại diện trước pháp luật của đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>6. “Tập thể lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập” bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có tổ chức Hội đồng quản lý, Hội đồng trường thì tập thể lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm cả thành viên Hội đồng quản lý, Hội đồng trường và được quy định cụ thể trong điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo, giải quyết khó khăn vướng mắc trong việc xác định người đứng đầu khi Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa xác định nội dung này</p>
<p>Điều 13. Tiếp nhận vào làm viên chức</p>	<p>2. Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau:</p>	
<p>1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển viên</p>	<p>“1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển viên</p>	

<p>chức và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng được xem xét tiếp nhận vào làm viên chức đối với các trường hợp sau:</p>	<p>chức và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng được xem xét tiếp nhận vào làm viên chức đối với các trường hợp sau:</p>	
<p>a) Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các đối tượng quy định tại khoản này), gồm:</p>	<p>a) Người có đủ 05 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn tương ứng và phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;</p>	<p>Tiếp thu ý kiến phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp; đối với đối tượng cán bộ, công chức cấp xã không tiếp tục yêu cầu 5 năm;</p>
<p>Người đang là cán bộ, công chức cấp xã;</p>		
<p>Người đang ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật;</p>	<p>b) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống;</p>	
<p>Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu;</p>	<p>c) Cán bộ, công chức cấp xã;</p>	
<p>Người đang làm việc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có</p>	<p>d) Người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị.”.</p>	

quyền biểu quyết;		
Người đang làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.		
b) Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.		
c) Người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.		
	3. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:	
Điều 33. Phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp	“Điều 33. Phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp	Tiếp tục thực hiện chủ trương phân cấp cho bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong phạm vi quản lý
1. Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về	1. Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I và xếp lương viên chức loại A3.	Bỏ nội dung “thống nhất về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng” để đẩy mạnh phân cấp cho bộ, ngành, địa phương. Bộ quản

<p>nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.</p> <p>2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.</p>	<p>2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp bộ, ngành, địa phương không có điều kiện tổ chức thì có thể cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác chủ trì tổ chức.</p>	<p>lý chuyên ngành chỉ chủ trì tổ chức thi hạng I tương đương cao cấp, còn lại tất cả thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý.</p> <p>Bổ sung quy định cho phép cơ quan được phân cấp có thể tiếp tục phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng</p>
<p>3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về chỉ tiêu thăng hạng và tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV.</p>		
<p>4. Việc phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng.</p>	<p>3. Việc phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng.”.</p>	
<p>Điều 39. Hình thức, nội dung và thời gian thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp</p>	<p>4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 39 như sau:</p>	

b) Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;	“b) Viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số.”.	Sửa kỹ thuật
Điều 42. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 như sau:	
1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển như sau:	“1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, cấp có thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định hiện hành.”.	Phân cấp toàn bộ thẩm quyền về bổ nhiệm và xếp lương từ hạng I trở xuống; không yêu cầu thống nhất của Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương.
a) Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I:		
Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ (đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Trung ương (đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội).		
b) Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, hạng III và hạng IV:		

<p>Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định theo thẩm quyền hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển.</p>		
<p>Điều 43. Thời hạn giữ chức vụ</p>	<p>6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43 như sau:</p>	
<p>2. Thời hạn viên chức giữ một chức vụ quản lý không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p>	<p>“2. Viên chức có thể được bổ nhiệm lại giữ một chức vụ quản lý với số lần không hạn chế, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng hoặc pháp luật chuyên ngành.”.</p>	<p>Sửa kỹ thuật để thống nhất trong thực tiễn thực hiện.</p>
<p>Điều 46. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý</p>	<p>7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 46 như sau:</p>	
<p>a) Bước 1: Trên cơ sở chủ trương bổ nhiệm, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.</p>	<p>“a) Bước 1: Trên cơ sở chủ trương bổ nhiệm, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.</p> <p>Thành phần: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ (nếu có). Người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ tham dự họp nhưng không bỏ phiếu (tại bước 3 và bước 5).</p> <p>Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản”.</p>	<p>Sửa kỹ thuật để thống nhất trong thực tiễn thực hiện.</p>
<p>Điều 53. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời</p>	<p>8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 53 như</p>	

gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu	sau:	
1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý quy định tại Điều 48 của Nghị định này.	“1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý quy định tại Điều 48 của Nghị định này, trừ bản sao các văn bằng, chứng chỉ đã có trong hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.”.	Giảm tải thủ tục hành chính, tránh việc trùng lặp chứng chỉ, văn bằng đã được nộp khi bổ nhiệm lần đầu.
Điều 59. Thủ tục nghỉ hưu	9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 59 như sau:	
1. Thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng viên chức đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.	“1. Thời điểm nghỉ hưu của viên chức là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Thời điểm hưởng chế độ hưu trí là ngày đầu tiên của tháng liền kề sau thời điểm nghỉ hưu.”.	Thống nhất với quy định tại Nghị định 135/2020/NĐ-CP
Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.	10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 63 như sau:	
1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; quyết định hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương	“1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.”.	Phân cấp cho các bộ việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức đối với tất cả các hạng chức danh (đối với hạng I không cần phải thống nhất với Bộ Nội vụ như trước đây); bổ sung “phân cấp việc quyết định” đối với bổ nhiệm, xếp lương, nâng lương thường xuyên, trước thời hạn để giải quyết vướng mắc trên thực tế thực hiện.

<p>và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống thuộc phạm vi quản lý.</p>		
<p>Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>	<p>11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau:</p>	
<p>1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng I sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; quyết định hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống thuộc phạm vi quản lý.</p>	<p>“1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định hoặc phân cấp việc quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.”.</p>	<p>Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức đối với tất cả các hạng chức danh (đối với hạng I không cần phải thống nhất với Bộ Nội vụ như trước đây); bổ sung “phân cấp việc quyết định” đối với bổ nhiệm, xếp lương, nâng</p>
<p>1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp từ hạng II trở xuống thuộc phạm vi quản lý.</p>		<p>lương thường xuyên, trước thời hạn để giải quyết vướng mắc trên thực tế thực hiện, đồng thời phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (UBND cấp tỉnh có thể phân cấp cho các cơ quan thực hiện các nội dung này).</p>
	<p>12. Bãi bỏ quy định về nộp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ tại: Điểm a khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.</p>	
<p>Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về</p>		

tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức

Điều 18. Tiếp nhận vào làm công chức	1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 2 Điều 18 như sau:	
<p>2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận:</p> <p>a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;</p>	<p>“2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận:</p> <p>a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển. Trường hợp cán bộ cấp xã nếu được cấp có thẩm quyền điều động, bổ nhiệm làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên.</p>	<p>Tiếp tục thực hiện chủ trương liên thông trong công tác cán bộ, theo đó đối với trường hợp cán bộ thì cấp có thẩm quyền có quyền điều động, bổ nhiệm làm lãnh đạo, quản lý tại cơ quan hành chính cấp huyện trở lên trong phạm vi quản lý mà không cần đáp ứng yêu cầu 5 năm công tác, đồng thời không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Đối với trường hợp này thì quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tiếp nhận để bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.</p>
<p>c) Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.</p>	<p>c) Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thì không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên; khi tiếp nhận vào làm công chức không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.”.</p>	

Điều 25. Bố trí, phân công công tác	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:	
1. Việc bố trí, phân công công tác cho công chức phải bảo đảm phù hợp giữa quyền hạn và nhiệm vụ được giao với chức danh, chức vụ và ngạch công chức được bổ nhiệm.	“1. Việc bố trí, phân công công tác cho công chức phải theo yêu cầu của vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp giữa quyền hạn và nhiệm vụ được giao với chức danh, chức vụ và ngạch công chức được bổ nhiệm theo yêu cầu của vị trí việc làm. Công chức được bổ nhiệm, bố trí vào vị trí việc làm mới thì cấp có thẩm quyền thực hiện việc bổ nhiệm, xếp lương vào ngạch công chức tương ứng.”.	Từng bước tạo cơ chế quản lý đội ngũ theo vị trí việc làm, theo đó làm việc ở vị trí việc làm nào thì sẽ hưởng lương ở ngạch tương ứng với vị trí việc làm đó.
Điều 31. Xét nâng ngạch công chức	3. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 31 như sau:	
Chưa quy định	“e) Công chức đang giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương, ngạch cán sự hoặc tương đương được bố trí làm việc ở vị trí việc làm yêu cầu ngạch công chức tương ứng ngạch cán sự hoặc tương đương, chuyên viên hoặc tương đương.”.	Cải cách thủ tục hành chính, theo đó không tiếp tục quy định công chức giữ ngạch nhân viên và cán sự phải dự thi nâng ngạch. Trường hợp được bố trí vào vị trí việc làm yêu cầu ngạch cao hơn (cán sự hoặc chuyên viên) thì sau khi được bố trí chỉ cần xét nâng ngạch (thay đổi vị trí việc làm trước, xét nâng ngạch sau). Đối với trường hợp giữ ngạch chuyên viên, chuyên viên chính thì nếu còn vị trí việc làm yêu cầu ngạch cao hơn thì dự thi nâng ngạch; sau đó mới bổ nhiệm vào ngạch (có vị trí việc làm ở ngạch

		cao hơn còn trống, dự thi cạnh tranh, nếu đạt kết quả thì mới thay đổi vị trí việc làm yêu cầu trình độ cao hơn tương ứng với ngạch dự kiến bổ nhiệm.)
Điều 32. Phân công tổ chức thi nâng ngạch công chức	4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:	
2. Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.	“2. Thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.	
Cơ quan quản lý công chức chủ trì tổ chức thi nâng ngạch công chức sau khi có ý kiến về nội dung Đề án và chỉ tiêu nâng ngạch của Bộ Nội vụ (đối với các cơ quan nhà nước) hoặc Ban Tổ chức Trung ương (đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội).	Cơ quan quản lý công chức chủ trì hoặc phân cấp, ủy quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức trên cơ sở cơ cấu ngạch công chức của cơ quan sử dụng công chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; trường hợp chưa phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, cơ quan quản lý công chức thống nhất với Bộ Nội vụ về chỉ tiêu nâng ngạch trước khi tổ chức thi.”.	Bỏ nội dung “thống nhất về nội dung đề án” để đẩy mạnh phân cấp.
Điều 41. Thời hạn giữ chức vụ	5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 như sau:	
2. Thời hạn giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được quá hai nhiệm kỳ liên tiếp được thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật chuyên ngành.	“2. Công chức có thể được bổ nhiệm lại giữ một chức vụ quản lý với số lần không hạn chế, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng hoặc pháp luật chuyên ngành.”.	Sửa kỹ thuật bảo đảm thống nhất khi thực hiện
Điều 46. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, ngành, địa phương	6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 46 như sau:	

a) Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.	“a) Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và nguồn nhân sự trong quy hoạch, tập thể lãnh đạo thảo luận và đề xuất về cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự.	Giữ nguyên.
Thành phần: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ.	Thành phần: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (nếu có). Người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ không bỏ phiếu (tại bước 3 và bước 5).	Bổ sung thống nhất trong thực tiễn thực hiện
Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản.	Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản.”.	Giữ nguyên.
Điều 54. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu	7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 54 như sau:	
1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại thực hiện như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 48 Nghị định này.	“1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại thực hiện như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý quy định tại Điều 48 Nghị định này, trừ bản sao các văn bản, chứng chỉ đã có trong hồ sơ bổ nhiệm lần đầu.”.	Giảm tải thủ tục hành chính, tránh việc thu thập trùng lặp các văn bản, chứng chỉ đã được nộp khi bổ nhiệm lần đầu.
Điều 73. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ	8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 73 như sau:	
1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp	“1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp	Tiếp tục thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền cho địa phương.

<p>hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.</p>	<p>hoặc tương đương; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.”.</p>	
<p>Điều 74. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p>	<p>9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 74 như sau:</p>	
<p>1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.</p>	<p>“1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống.”.</p>	<p>Tiếp tục thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền cho địa phương.</p>
	<p>10. Bãi bỏ quy định về nộp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ tại: Điểm a khoản 1 Điều 16; khoản 3 Điều 18; điểm c khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 31; khoản 3 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 36; điểm c</p>	<p>Theo tinh thần cắt giảm chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP và Thông tư số 02/2021/TT-BNV.</p>

	khoản 4 Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	
Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp		
Điều 74. Xác định thời điểm nghỉ hưu	1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 74 như sau:	
1. Thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.	“1. Thời điểm nghỉ hưu của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Thời điểm hưởng chế độ hưu là ngày đầu tiên của tháng liền kề sau thời điểm nghỉ hưu.	Chỉnh sửa theo hướng đảm bảo thống nhất với nội dung Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.
Trường hợp trong hồ sơ của người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.	Trường hợp hồ sơ không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí.”.	Chỉnh sửa kỹ thuật.
Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức		
	1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:	
Điều 3. Trường hợp công chức được hưởng chế độ thôi việc	“Điều 3. Trường hợp công chức được hưởng chế độ thôi việc	

Công chức được hưởng chế độ thôi việc quy định tại Nghị định này trong các trường hợp sau:	Công chức được hưởng chế độ thôi việc quy định tại Nghị định này trong các trường hợp sau:	
1. Theo nguyện vọng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý.	1. Theo nguyện vọng và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý.	
2. Do 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Cán bộ, công chức.	2. Do 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Cán bộ, công chức.”.	Giữ nguyên.
Chưa quy định.	3. Công chức có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng.	<p>Bổ sung đối tượng công chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để thực hiện chủ trương khuyến khích nghỉ hưu trước tuổi đối với công chức, theo đó đối với trường hợp này không thuộc đối tượng tinh giản biên chế như Nghị định 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế). Đồng thời, bước đầu thực hiện đối với đối tượng là công chức, khi ổn định về chính sách sẽ đánh giá tác động, xem xét, sửa đổi, bổ sung để áp dụng chính sách tương tự đối với đội ngũ viên chức.</p> <p>Đối với đội ngũ công chức cấp xã trước mắt chưa xem xét bổ sung để thực hiện chế độ khuyến khích nghỉ hưu trước tuổi để bảo đảm tính ổn định của đội ngũ này.</p>

28		
	2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:	
Điều 5. Trợ cấp thôi việc	“Điều 5. Trợ cấp thôi việc	
Công chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng.	1. Công chức thôi việc theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: Cứ mỗi năm làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng.	Giữ quy định như hiện hành, phù hợp với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và không ảnh hưởng tới Quỹ bảo hiểm xã hội (không chi trả cho thời gian làm việc trong đơn vị, doanh nghiệp ngoài nhà nước).
Chưa quy định	2. Công chức nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì ngoài chế độ trợ cấp thôi việc quy định tại khoản 1 Điều này và chế độ độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội còn được hưởng các chế độ sau:	Đây là những chính sách khuyến khích thêm đối với công chức nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng, theo đó ngoài chính sách theo quy định tại khoản 1 (như trợ cấp thôi việc đối với các đối tượng hiện hành, đồng thời tương tự với chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 108/2014/NĐ-CP nhưng tính trực tiếp theo năm công tác, bảo đảm tính công bằng, theo đó nếu công tác nhiều năm hơn thì sẽ hưởng trợ cấp nhiều hơn) thì còn được hưởng thêm các chính sách theo quy định tại khoản này mà đối

		tượng thôi việc và không hoàn thành nhiệm vụ không được áp dụng.
	a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động;	Trước mắt áp dụng tương tự chính sách của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
	b) Được nâng bậc lương, nâng ngạch trước thời hạn, cụ thể như sau:	Áp dụng tương tự chính sách của Nghị định số 26/2015/NĐ-CP quy định về chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử
	Công chức chưa xếp bậc lương cuối cùng ở ngạch hiện giữ mà trong thời gian giữ bậc được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không bị kỷ luật và tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi còn thiếu từ 01 đến 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu.	
	Công chức đang hưởng bậc lương cuối cùng hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch hiện giữ, đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, không bị kỷ luật trong thời gian 3 năm cuối trước khi nghỉ hưu thì được nâng ngạch không qua thi lên ngạch trên liền kề (nếu còn) để nghỉ hưu;	
Chưa quy định.	c) Được đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (bao gồm cả phần cơ quan sử dụng lao động phải đóng) cho những năm còn lại tính đến	

	tuổi nghỉ hưu theo quy định.”.	
Điều 9. Xác định thời điểm nghỉ hưu	3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:	
1. Thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.	“1. Thời điểm nghỉ hưu của công chức là kết thúc ngày cuối cùng của tháng đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định. Thời điểm hưởng chế độ hưu là ngày đầu tiên của tháng liền kề sau thời điểm nghỉ hưu.	Chỉnh sửa theo hướng đảm bảo thống nhất với nội dung Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.
Trường hợp trong hồ sơ của công chức không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.	Trường hợp hồ sơ của công chức không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để làm căn cứ xác định thời điểm nghỉ hưu và thời điểm hưởng chế độ hưu trí.”.	Sửa đổi bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.
	Điều 7. Trách nhiệm thi hành	
	Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	